

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07/10/2019

"V/v Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Diện
2. Bà Nguyễn Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Đức Tuyên - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019 giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Trương Văn Q, sinh năm 1972 (vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Chị Trương Thị L, sinh năm 1971 (vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Thôn G, xã T, huyện B, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2019 được sửa đổi, bổ sung ngày 02/8/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Trương Văn Q trình bày: Do sự sắp đặt của gia đình và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, sau lễ cưới anh Trương Văn Q và chị Trương Thị L bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 tại thôn G, xã T, huyện B, tỉnh H. Việc anh chị chung sống với nhau được hai bên gia đình chấp nhận và được hàng xóm, bạn bè chứng kiến. Anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ đó cho đến nay

nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Kiêu nơi anh chị cư trú thực hiện, mặc dù cả hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo luật hôn nhân và gia đình năm 1986, năm 2000 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu anh chị chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2007 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do chị L nghi ngờ anh Q không chung thủy, có quan hệ ngoại tình nên giữa anh chị thường xảy ra xô sát, cãi chửi nhau. Mâu thuẫn giữa hai anh chị đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng quan hệ hôn nhân vẫn không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, mỗi người sống một nhà, việc ai người đấy làm, không quan tâm đến nhau. Đến nay anh Q nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài nên anh có đơn yêu cầu xin ly hôn chị Trương Thị L.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là chị Trương Thị L xác nhận: Lời khai của anh Q về thời điểm anh chị bắt đầu chung sống, về việc anh chị chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, thời điểm và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa anh chị, tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị đúng như lời trình bày của anh Q. Hiện nay anh Q có yêu cầu xin được ly hôn thì chị nhất trí.

Về con chung: Anh Trương Văn Q và chị Trương Thị L đều khai nhận quá trình chung sống anh có hai con chung: cháu Trương Văn M, sinh ngày 29/12/1991 và cháu Trương Văn T, sinh ngày 10/02/1994. Hiện nay các cháu đã trên 18 tuổi, đã trưởng thành. Hiện nay, cháu M, cháu T đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, công nợ: Anh chị tự thoả thuận và đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại các biên bản xác minh ngày 18/9/2019 của Toà án nhân dân huyện Bắc Quang với công an viên phụ trách thôn Giàn Thượng, với đại diện UBND xã Tiên Kiêu nơi anh Trương Văn Q và chị Trương Thị L sinh sống, phản ánh về tình trạng hôn nhân của anh chị như sau:

Anh Trương Văn Q và chị Trương Thị L về chung sống với nhau như vợ chồng do sự sắp đặt của gia đình, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 tại thôn G, xã T, huyện B, tỉnh H. Việc anh chị chung sống với nhau được hai bên gia đình chấp nhận và được hàng xóm, bạn bè chứng kiến. Anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ đó cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã T nơi anh chị cư trú thực hiện, mặc dù cả hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo luật hôn nhân và gia đình năm 1986, năm 2000 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu anh chị chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2007 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do chị L nghi ngờ anh Q không chung thủy, có quan hệ ngoại tình nên giữa anh chị thường xảy ra xô sát, cãi chửi nhau. Mâu thuẫn giữa hai anh chị đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng quan hệ hôn nhân vẫn không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên anh chị đã sống ly thân từ

năm 2017 cho đến nay, mỗi người sống một nhà, việc ai người đẩy làm, không quan tâm đến nhau. Quá trình chung sống, anh chị có hai con chung, cháu thứ nhất tên là Trương Văn M, sinh ngày 29/12/1991, cháu thứ hai tên là Trương Văn T, sinh ngày 10/02/1994. Hiện nay các cháu đã trưởng thành và đều có gia đình riêng. Trong quá trình chung sống, anh chị tạo lập được một số tài sản chung.

Do anh Trương Văn Q và chị Trương Thị L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Căn cứ vào khoản 2 Điều 206 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trương Văn Q và chị Trương Thị L; về án phí, anh Trương Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn là anh Trương Văn Q có đơn khởi kiện “Ly hôn” với bị đơn là chị Trương Thị L, chị Trương Thị L cư trú tại thôn Giàn Thượng, xã Tiên Kiều, huyện Bắc Quang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là anh Trương Văn Q và bị đơn là chị Trương Thị L vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu xin ly hôn: Việc anh Trương Văn Q và chị Trương Thị L bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 đến nay được hai bên gia đình chấp nhận và được hàng xóm, bạn bè chứng kiến nhưng không đăng ký kết hôn tại UBND xã T nơi anh chị cư trú thực hiện mặc dù cả hai bên có đủ điều kiện kết hôn theo luật hôn nhân và gia đình năm 1986, năm 2000 và Luật hôn nhân gia đình

năm 2014. Lời khai của anh chị phù hợp với nhau và phù hợp với kết quả xác nhận về tình trạng hôn nhân của anh chị tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B nơi anh chị cư trú.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định:

"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này"

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định:

"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của anh Trương Văn Q cần được xử bằng một bản án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai anh chị là có cơ sở.

[2.2] Về việc nuôi con: Quá trình chung sống, anh có hai con chung: cháu Trương Văn M, sinh ngày 29/12/1991 và cháu Trương Văn T, sinh ngày 10/02/1994. Hiện nay các cháu đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Ngoài ra nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trương Văn Q và chị Trương Thị L;

- **Về án phí:** Anh Trương Văn Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0000852, ngày 02/8/2019 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- **Về quyền kháng cáo:** Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Hồng